Dùng bảng biểu để trả lời câu hỏi.

1) Bảng dưới đây cho thấy trọng lượng của một số loại xe. Tổng trọng lượng của tất cả các ô tô là bao nhiêu?

Xe ô tô	Trọng lượng (tính bằng tấn)
Xe ô tô 1	$6\frac{3}{5}$
Xe ô tô 2	$5\frac{1}{2}$
Xe ô tô 3	$8\frac{7}{8}$
Xe ô tô 4	$4\frac{2}{8}$

2) Bảng dưới đây cho thấy độ dài của một số đoạn dây. Chiều dài tổng hợp của tất cả các chuỗi là bao nhiêu?

Dây	Chiều dài (tính bằng Inch)
Dây 1	$5\frac{5}{6}$
Dây 2	$8\frac{4}{8}$
Dây 3	$2\frac{2}{5}$
Dây 4	$2\frac{1}{8}$

3) Bảng dưới đây cho thấy trọng lượng của một số điện thoại. Tổng trọng lượng của tất cả các điện thoại là bao nhiêu?

Điện thoại	Trọng lượng (tính bằng ounce)
Điện thoại 1	$2\frac{2}{4}$
Điện thoại 2	$8\frac{1}{2}$
Điện thoại 3	$6\frac{2}{5}$
Điện thoại 4	$5\frac{1}{2}$

4) Bảng dưới đây cho thấy một số thùng chứa sẽ chứa được bao nhiêu nước. Công suất tổng hợp của tất cả các thùng chứa là bao nhiêu?

Thùng đựng hàng	Dung tích (trong cốc)
Thùng đựng hàng 1	$6\frac{1}{3}$
Thùng đựng hàng 2	$5\frac{1}{2}$
Thùng đựng hàng 3	$5\frac{3}{4}$
Thùng đựng hàng 4	$9\frac{1}{2}$

5) Bảng dưới đây cho thấy chiều cao của một số hộp. Tổng chiều cao của tất cả các hộp là bao nhiêu?

Hộp	Chiều cao tính bằng inch)
Hộp 1	$4\frac{1}{2}$
Hộp 2	$3\frac{1}{8}$
Hộp 3	$9\frac{3}{4}$
Hộp 4	$4\frac{1}{3}$

6) Bảng dưới đây cho thấy chiều dài của một số con đường. Tổng chiều dài của tất cả các con đường là bao nhiêu?

Đường	Khoảng cách (tính bằng dặm)
Đường 1	$1\frac{4}{5}$
Đường 2	$1\frac{1}{8}$
Đường 3	$5\frac{1}{2}$
Đường 4	$2\frac{1}{5}$

Câu trả lời

1. _____
2. _____
3. _____
4. _____
5. _____
6. _____

1-6	83	67	50	33	17	0

Dùng bảng biểu để trả lời câu hỏi.

1) Bảng dưới đây cho thấy trọng lượng của một số loại xe. Tổng trọng lượng của tất cả các ô tô là bao nhiêu?

Xe ô tô	Trọng lượng (tính bằng tấn)	
Xe ô tô 1	$6\frac{3}{5}$	$6\frac{24}{40}$
Xe ô tô 2	$5\frac{1}{2}$	$5\frac{20}{40}$
Xe ô tô 3	$8\frac{7}{8}$	$8\frac{35}{40}$
Xe ô tô 4	$4\frac{2}{8}$	$4\frac{10}{40}$

2) Bảng dưới đây cho thấy độ dài của một số đoạn dây. Chiều dài tổng hợp của tất cả các chuỗi là bao nhiêu?

Dây	Chiều dài (tính bằng Inch)	
Dây 1	$5\frac{5}{6}$	$5\frac{100}{120}$
Dây 2	$8\frac{4}{8}$	$8\frac{60}{120}$
Dây 3	$2\frac{2}{5}$	$2\frac{48}{120}$
Dây 4	$2\frac{1}{8}$	$2\frac{15}{120}$

3) Bảng dưới đây cho thấy trọng lượng của một số điện thoại. Tổng trọng lượng của tất cả các điện thoại là bao nhiêu?

Điện thoại	Trọng lượng (tính bằng ounce)	
Điện thoại 1	$2\frac{2}{4}$	$2\frac{10}{20}$
Điện thoại 2	$8\frac{1}{2}$	$8\frac{10}{20}$
Điện thoại 3	$6\frac{2}{5}$	$6\frac{8}{20}$
Điện thoại 4	$5\frac{1}{2}$	$5\frac{10}{20}$

4) Bảng dưới đây cho thấy một số thùng chứa sẽ chứa được bao nhiêu nước. Công suất tổng hợp của tất cả các thùng chứa là bao nhiêu?

Thùng đựng hàng	Dung tích (trong cốc)	
Thùng đựng hàng 1	$6\frac{1}{3}$	$6\frac{4}{12}$
Thùng đựng hàng 2	$5\frac{1}{2}$	$5\frac{6}{12}$
Thùng đựng hàng 3	$5\frac{3}{4}$	$5\frac{9}{12}$
Thùng đựng hàng 4	$9\frac{1}{2}$	$9\frac{6}{12}$

5) Bảng dưới đây cho thấy chiều cao của một số hộp. Tổng chiều cao của tất cả các hộp là bao nhiêu?

Hộp	Chiều cao tính bằng inch)	
Hộp 1	$4\frac{1}{2}$	$4\frac{12}{24}$
Hộp 2	$3\frac{1}{8}$	$3\frac{3}{24}$
Hộp 3	$9\frac{3}{4}$	$9\frac{18}{24}$
Hộp 4	$4\frac{1}{3}$	$4\frac{8}{24}$

6) Bảng dưới đây cho thấy chiều dài của một số con đường. Tổng chiều dài của tất cả các con đường là bao nhiêu?

Đường	Khoảng cách (tính bằng dặm)	
Đường 1	$1\frac{4}{5}$	$1\frac{32}{40}$
Đường 2	$1\frac{1}{8}$	$1\frac{5}{40}$
Đường 3	$5\frac{1}{2}$	$5\frac{20}{40}$
Đường 4	$2\frac{1}{5}$	$2\frac{8}{40}$

Câu trả lời

1. $25\frac{9}{40}$
2. $18\frac{103}{120}$
3. $22\frac{18}{20}$
4. $27\frac{1}{12}$
5. $21\frac{17}{24}$
6. $10\frac{25}{40}$

1-6	83	67	50	33	17	0